

Số: 642/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: ... 27/5/22

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 1484/TTr-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 1606/BC-HĐTĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. TÊN, PHẠM VI, THỜI KỲ QUY HOẠCH

1. Tên Quy hoạch

Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi ranh giới quy hoạch

- Phần lãnh thổ đất liền: toàn bộ diện tích của Thành phố Hồ Chí Minh là 2.095 km².
- Tọa độ địa lý: từ 10°10' đến 10°38' vĩ độ Bắc và 106°22' đến 106°54' kinh độ Đông.

- Ranh giới hành chính: bao gồm thành phố Thủ Đức và 21 đơn vị hành chính cấp quận, huyện. Phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương; phía Nam giáp biển Đông; phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh, tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

- Phần không gian biển: được xác định trên cơ sở Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13, Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc giao các khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” và các văn bản liên quan.

3. Thời kỳ lập quy hoạch

- Thời kỳ lập quy hoạch: 2021-2030.
- Tầm nhìn dài hạn: đến năm 2050.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH

1. Quan điểm lập quy hoạch

- Việc lập quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Quy hoạch Thành phố phải gắn với tầm nhìn đến năm 2050, Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị thông minh, trình độ phát triển ngang tầm với các thành phố lớn khu vực Đông Nam Á và Châu Á, tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên cơ cấu kinh tế hiện đại với nguồn nhân lực chất lượng cao và yếu tố đổi mới sáng tạo là trung tâm, có trình độ khoa học công nghệ phát triển và đời sống của người dân ở mức cao.

- Thể hiện được tầm nhìn và quan điểm đổi mới mạnh mẽ trong tư duy phát triển. Đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành; tính công khai, minh bạch trong thu hút và triển khai các dự án đầu tư; phát triển hài hòa các địa phương, vùng lãnh thổ trên địa bàn Thành phố; phù hợp với khả năng cân đối, huy động về nguồn lực triển khai; thống nhất đồng bộ với Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060.

- Tận dụng tối đa giá trị địa kinh tế - chính trị của Thành phố, các cơ hội liên kết giữa Thành phố với vùng Đông Nam Bộ, với các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, cả nước và quốc tế (đặc biệt là các quốc gia trong khu vực); khả năng khai thác hành lang kinh tế Bắc Nam; khả năng khai thác các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết (WTO, CTPPP, APTA, EVFTA...) để phát huy vai trò hạt nhân Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, đầu tàu kinh tế cả nước.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nâng cao mức sống của người dân; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và tạo nền tảng cho phát triển trên cơ sở tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xác định khoa học và công nghệ là động lực phát triển, là chìa khóa để Thành phố Hồ Chí Minh bắt kịp và vượt một số thành phố lớn khu vực Đông Nam Á.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố một cách khoa học, hợp lý trên cơ sở cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn Thành phố để sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng và lợi thế của Thành phố phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

- Hiện thực hóa mục tiêu, định hướng phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Thành phố theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025; xác định mô hình phát triển mới, các khâu đột phá chiến lược; nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; đi đầu trong việc tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn để Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, phát triển nhanh và bền vững; trở thành trung tâm về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ và văn hóa của khu vực Đông Nam Á vào năm 2030; trở thành trung tâm về kinh tế, tài chính của Châu Á vào năm 2045;

xử lý những vấn đề trước mắt trong 5 đến 10 năm tới, bao gồm ùn tắc giao thông, ngập úng do thủy triều và mưa, ô nhiễm môi trường ở các kênh rạch, các khu dân cư có điều kiện sống thấp.

- Cung cấp những căn cứ khoa học và công cụ pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp của Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng trong lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất công tác quản lý nhà nước và hoạch định chính sách, kiến tạo động lực phát triển; là cơ sở để xây dựng và triển khai các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư trên địa bàn Thành phố, đảm bảo tính khách quan, khoa học; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch Thành phố nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của Thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Xây dựng được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL), quy hoạch thống nhất hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển của Thành phố, vùng và quốc gia. Là căn cứ để các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đầu tư, kinh doanh, sinh sống và làm việc có thể kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch của Thành phố.

3. Nguyên tắc lập quy hoạch

- Đảm bảo sự tuân thủ, bám sát theo quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thực hiện một số điều của Luật Quy hoạch, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của cả nước, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng của cả nước; cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Đông Nam bộ, quy hoạch Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam trên địa bàn Thành phố; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Bảo đảm tính nhân dân, sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất.

- Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tính dự báo, tính khả thi, sử dụng hiệu quả nguồn lực; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch và tính bảo tồn.

- Đảm bảo tính khả thi trong triển khai, phù hợp với khả năng thực tế và nguồn lực thực hiện của Thành phố thời kỳ 2021-2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của bối cảnh trong và ngoài nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

III. NỘI DUNG LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cấp có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính liên kết, thống nhất đồng bộ với điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành, các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tăng cường liên kết vùng; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp thành phố, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sự phát triển cân bằng giữa kinh tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực nhằm chuyển đổi các huyện thành các quận, thành phố trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc lập quy hoạch phải gắn với các cơ chế, chính sách đặc thù đang được Trung ương áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh, việc tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố; đề xuất được các cơ chế, chính sách mới, các mô hình phát triển mới cần được Trung ương thông qua để đảm bảo tính khả thi của quy hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Xác định nội dung Quy hoạch

Nội dung Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh:

- Các điều kiện tự nhiên, xã hội: thể hiện tính đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh về vị trí địa lý (nằm ở vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á,

đầu mối giao lưu quốc tế, nằm vị trí trung tâm của vùng Đông Nam bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long); điều kiện tự nhiên (hệ thống sông Sài Gòn, sông Đồng Nai chảy qua trung tâm Thành phố, rừng ngập mặn Cần Giờ, biển Cần Giờ là cửa ngõ tiến ra biển Đông của Thành phố); điều kiện xã hội (một trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ của cả nước, nơi hội tụ văn hóa của các vùng miền trong cả nước);

- Tổng hợp các cơ hội, thách thức: làm rõ những thách thức đối với sự quá tải về cơ sở hạ tầng, ngập nước, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu; gia tăng dân số và an sinh xã hội.

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn:

- Thực trạng phát triển kinh tế, khả năng huy động nguồn lực: làm rõ được vai trò, vị trí trung tâm kinh tế của Thành phố đối với cả nước, vai trò đầu tàu và động lực tăng trưởng của cả nước; thực trạng sắp xếp, tổ chức các hoạt động kinh tế trên địa bàn Thành phố; so sánh kinh tế Thành phố với các thành phố lớn trong khu vực Đông Nam Á;

- Thực trạng phát triển các lĩnh vực xã hội: thể hiện rõ vai trò trung tâm của Thành phố về y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao đối với vùng và cả nước; đóng góp của lĩnh vực văn hóa - xã hội vào phát triển kinh tế Thành phố; hội nhập quốc tế về văn hóa;

- Thực trạng phát triển khoa học, công nghệ: làm rõ vị trí vai trò trung tâm của Thành phố về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đóng góp của khoa học, công nghệ vào phát triển Thành phố và khu vực; thực trạng phát triển tiềm lực về khoa học, công nghệ;

- Thực trạng công tác đảm bảo quốc phòng - an ninh: làm rõ vị trí, vai trò của Thành phố về đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực phía Nam và cả nước; việc đảm bảo quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội; thực trạng phát triển tiềm lực quốc phòng trong tình hình mới với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ;

- Thực trạng tổ chức không gian và phát triển hạ tầng: làm rõ sự phù hợp về bố trí không gian phân vùng chức năng, cực tăng trưởng, các tuyến hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội, các khu chức năng; nhấn mạnh việc hình thành khu đô thị sáng tạo tương tác cao phía Đông, thành lập thành phố Thủ Đức;

- Thực trạng sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường: xác định các nguồn tài nguyên trọng yếu của Thành phố, bao gồm hệ thống sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, biển Đông, rừng ngập mặn Cần Giờ...; thực trạng khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên;

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức.

c) Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển:

- Xây dựng quan điểm phát triển: phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở chú trọng đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ; phát triển đột phá trên cơ sở vượt

và thu hẹp khoảng cách với một số thành phố lớn của khu vực Đông Nam Á; phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; phát triển Thành phố gắn với liên kết vùng, khu vực, thế giới; phát triển đa trung tâm; hình thành “chuỗi đô thị”; phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường;

- Xây dựng kịch bản và phương án phát triển: xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh tế số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bút phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của Thành phố;

- Xây dựng mục tiêu phát triển: xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh, đổi mới sáng tạo; trở thành một trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm thương mại quốc tế, trung tâm logistics, trung tâm nghiên cứu phát triển; bắt kịp và vượt một số thành phố lớn khu vực Đông Nam Á; phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục và đào tạo của khu vực Đông Nam Á. Đến năm 2030, Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản giải quyết tình trạng quá tải về hạ tầng giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường, điều kiện sinh hoạt của người lao động;

- Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá:

+ Xác định các nhiệm vụ trọng tâm: nguồn lực cho phát triển, bao gồm nguồn nhân lực chất lượng cao, vốn đầu tư và công nghệ, đất đai; hệ thống cơ sở hạ tầng, bao gồm hạ tầng giao thông kết nối vùng, hạ tầng số, cơ sở hạ tầng xã hội; ô nhiễm môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; phục hồi và phát triển kinh tế do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19;

+ Xác định các khâu đột phá: đột phá trong thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó chú trọng cơ chế chính sách, cải thiện môi trường đầu tư; đột phá trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, bao gồm hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, hạ tầng số; đột phá về phát triển kinh tế số; đột phá trong tổ chức chính quyền đô thị, trong đó chú trọng phát triển thành phố Thủ Đức trở thành đô thị sáng tạo, tương tác cao; phát triển trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm logistics.

d) Yêu cầu về phương án phát triển các ngành quan trọng:

- Ngành công nghiệp: phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, sử dụng ít lao động, nhà máy thông minh, sản xuất sản phẩm thông minh; phát triển các nhóm ngành công nghiệp trọng yếu; chuyển từ hoạt động gia công, lắp ráp sang chế tạo; phát triển các khu, cụm công nghiệp tập trung theo mô hình cụm liên kết ngành; chuyển đổi các khu chế xuất và công nghiệp, cụm công nghiệp hiện hữu sang mô hình khu chế xuất và công nghiệp, cụm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Ngành dịch vụ: thương mại với vai trò trung tâm bán buôn, đầu mối xuất nhập khẩu, trung tâm mua sắm của cả nước và quốc tế; phát triển kết cấu hạ tầng thương mại dịch vụ hiện đại, kinh doanh trực tuyến. Vận tải và kho bãi gắn với phát triển giao thông thông minh, các trung tâm logistics, cảng biển, cảng hàng không quốc tế, hình thành các trung tâm logistics gắn với phát triển hệ thống cảng biển,

bến bãi trong mối liên kết vùng Đông Nam bộ. Tài chính ngân hàng và bảo hiểm gắn với phát triển trung tâm tài chính quốc tế;

- Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm giống cây, giống con của khu vực; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung;

- Lĩnh vực văn hóa, xã hội: y tế gắn với phát triển y tế thông minh, phát triển mạng lưới bệnh viện theo hướng hiện đại, tăng cường y tế cơ sở, mạng lưới y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Phát triển giáo dục và đào tạo gắn với giáo dục thông minh, phát triển mạng lưới giáo dục - đào tạo đáp ứng về số lượng và chất lượng; đầu tư, hiện đại hóa cơ sở giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Xây dựng, hình thành không gian văn hóa Hồ Chí Minh; phát triển các cơ sở văn hóa; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc;

- Lĩnh vực quốc phòng - an ninh: thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế. Xây dựng Thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc, có thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh.

đ) Yêu cầu về phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội: chú trọng xác định phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của Thành phố Hồ Chí Minh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng Đông Nam bộ. Đồng thời, đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện.

e) Yêu cầu về phát triển trong điều kiện kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh, thành phố trong vùng Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ nhằm phát huy vai trò động lực phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

g) Yêu cầu về phương án tổ chức hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn và phát triển kết cấu hạ tầng:

- Phương án tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn (thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch);

- Phương án tổ chức các phân khu chức năng khác.

h) Yêu cầu về phương án phát triển hạ tầng đô thị:

- Phương án bố trí không gian phát triển;

- Phương án tổ chức không gian phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch): trong giai đoạn đến năm 2030, hoàn thành các dự án giao thông trọng yếu trên địa bàn Thành phố, bao gồm các tuyến đường vành đai, đường cao tốc, đường sắt đô thị,...

i) Yêu cầu về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện: việc xác định chỉ tiêu sử dụng đất cần dựa trên những dự báo về ứng dụng các tiến bộ của khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

k) Yêu cầu về phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện: xác định phạm vi, tính chất, hướng phát triển trọng tâm của từng vùng liên huyện, vùng huyện; bố trí, sắp xếp hệ thống các thị trấn, trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bổ sản xuất và phân bố dân cư tại từng vùng liên huyện, vùng huyện; định hướng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng vùng liên huyện, vùng huyện.

l) Yêu cầu về phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: xây dựng phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cần dựa trên cơ sở ứng dụng các thành tựu về khoa học và công nghệ để có biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường phù hợp. Những vấn đề về môi trường Thành phố cần tập trung xử lý bao gồm rác thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, ngập nước; bảo vệ khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ.

m) Yêu cầu về phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn: chú trọng quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả và bền vững, đặc biệt là nguồn tài nguyên đất đai.

n) Yêu cầu về phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước Thành phố phải hiệu quả, tiết kiệm, có giải pháp khắc phục những thiệt hại do triều cường, xâm ngập mặn, giảm thiểu và hướng tới chấm dứt khai thác nước ngầm.

o) Yêu cầu phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn: việc phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố phải chú ý ảnh hưởng của bão đối với huyện Cần Giờ, những khu vực chịu ảnh hưởng bởi triều cường và nước biển dâng.

p) Yêu cầu về xây dựng Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện: xây dựng 02 bộ tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030 cho các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố và các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách; từ đó xây dựng 02 danh mục dự án ưu tiên đầu tư từ hai nguồn vốn này cho phù hợp, thuận lợi trong việc thu hút đầu tư của Thành phố trong thời kỳ quy hoạch.

q) Yêu cầu về xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện Quy hoạch: xác định các giải pháp trọng tâm, mang tính đột phá và nêu rõ yêu cầu đối với từng nhóm giải pháp cần tập trung thực hiện trong thời kỳ 2021 - 2030 và những năm tiếp theo, trong đó chú trọng các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn lực về đất đai.

r) Yêu cầu về xây dựng báo cáo quy hoạch gồm: báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, báo cáo nội dung đề xuất, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và xử lý, tích hợp báo cáo ĐMC vào báo cáo Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các nội dung đề xuất nghiên cứu tích hợp vào quy hoạch: các nội dung được đề xuất vào quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh được nghiên cứu đảm bảo Quy hoạch được thực hiện theo hướng tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan trong việc lập quy hoạch trên phạm vi lãnh thổ của Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

IV. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về phương pháp lập Quy hoạch

Hệ thống các phương pháp lập Quy hoạch phải đảm bảo tính tiếp cận tổng hợp, khoa học, phù hợp với thực tiễn, đa chiều, đa lĩnh vực và ứng dụng công nghệ hiện đại.

2. Các phương pháp lập Quy hoạch

Quy hoạch được lập dựa trên phương pháp tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực, đảm bảo các yêu cầu về tính khoa học, tính phù hợp, tính thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại. Các phương pháp cơ bản sau được sử dụng trong quá trình lập Quy hoạch:

- Phương pháp nghiên cứu tại địa bàn;
- Phương pháp khảo sát thực địa;
- Phương pháp thông tin địa lý, bản đồ (GIS);
- Phương pháp tích hợp quy hoạch;
- Phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp so sánh và các phương pháp phân tích chuyên ngành;
- Phương pháp định lượng;
- Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, phân loại, thống kê, xử lý thông tin;
- Phương pháp dự báo, xây dựng phương án phát triển;
- Phương pháp mô hình;
- Phương pháp tham vấn (cùng tham gia);
- Bộ công cụ hỗ trợ lập quy hoạch;
- Xây dựng giao diện web;
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh.

V. THÀNH PHẦN, CHI PHÍ VÀ TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

1. Thành phần hồ sơ quy hoạch

a) Phần văn bản

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;
- Báo cáo Quy hoạch gồm Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt và các báo cáo liên quan; các phụ lục, sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về Quy hoạch;
- Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược (thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường);
- Các phụ lục và văn bản pháp lý liên quan;
- Các báo cáo nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch Thành phố;
- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan khác.

b) Hệ thống bản đồ và sơ đồ

Danh mục và tỷ lệ bản đồ Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Mục IX, Phụ lục I, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, gồm:

- Bản đồ và sơ đồ phân tích;
- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: bản đồ vị trí và các mối quan hệ của Thành phố Hồ Chí Minh trong vùng và cả nước;
- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000: các bản đồ về hiện trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phân bố dân cư, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của Thành phố:
 - + Các bản đồ về hiện trạng phát triển;
 - + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn;
 - + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng;
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất;
 - + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên;
 - + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
 - + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện;
 - + Bản đồ chuyên đề (nếu có);
- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000: bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển khu vực trọng điểm của Thành phố (nếu có).

2. Chi phí lập quy hoạch: thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Tiến độ lập quy hoạch

Phấn đấu cơ bản hoàn thành việc lập Quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch trước ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện lập Quy hoạch bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Thành ủy, HĐND, UBND TPHCM;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg;
TGD Công TTĐTCP, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, QHĐP (2b).NQ 12

